BỘ CÔNG THƯƠNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
*****

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH CƠ BẢN 1

Số tín chỉ: 04
Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

Năm 2016

TRƯỜNG ĐẠI HỌC SAO ĐỎ
KHOA: DU LỊCH VÀ NGOẠI NGỮ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

Trình độ đào tạo: Đại học
Ngành: Không chuyên

1. Tên học phần: Tiếng Anh Cơ bản 1
2. Mã học phần: NNA 101
3. Số tín chỉ: 04(4,0)
4. Trình độ cho sinh viên: Năm thứ nhất
5. Phân bố thời gian:
- Lên lớp: 60 tiết lý thuyết, 0 giờ thực hành
- Tự học: 120 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Sinh viên đã học tiếng Anh ở bậc trung học phổ thông.
7. Giảng viên:

STT	Học hàm, học vị, họ tên	Số điện thoại	Email
1	ThS. Trịnh Thị Chuyên	0913.601.619	chuyennna@gmail.com
2	ThS. Tăng Thị Hồng Minh	0913.592.866	Tang.huyminh@gmail.com
3	ThS. Vũ Thị Lương	0989.670.521	Luongnn78@gmail.com
4	ThS. Phạm Thị Huyền Trang	0977612288	Trang.phamhuyen88@gmail.com
5	ThS. Trần Hoàng Yến	0986596586	yendhsd@gmail.com
6	ThS. Ngô Thị Mỹ Bình	0984188873	tienganhmybinhsd@gmail.com
7	ThS. Trần Thị Mai Hương	0389182331	huongtrakhanhhung@gmail.com
8	ThS. Đặng Thị Thanh	0345356658	Dangthanhhd79@gmail.com
9	ThS. Đặng Thị Minh Phương	0352598717	phuongdhsd@gmail.com

8. Mô tả nội dung của học phần:

Học phần gồm 15 bài học về các chủ điểm: Chào hỏi, hẹn gặp, phương tiện giao thông, địa điểm, nơi chốn, quá khứ, dự định tương lai, đời sống xã hội, sở thích, thời trang, nghề nghiệp, giải trí …. Mỗi bài học đề cập đến 3 nội dung chính:

Ngữ pháp: Cung cấp cho sinh viên kiến thức về đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, các thời của động từ (hiện tại đơn, hiện tại tiếp diễn, hiện tại hoàn thàn, quá khứ đơn, quá khứ tiếp diễn, tương lai gần, tương lai đơn), tính từ so sánh, các cấu trúc đi kèm với tính từ, danh từ, động từ (too, enough, so that), các cấu trúc đặc biệt sử dụng trong các tình huống giao tiếp thường nhật.

Từ vựng: Cung cấp cho sinh viên từ loại về các chủ điểm liên quan đến nội dung bài học: Phương tiện giao thông, các hoạt động giải trí, giới từ chỉ thời gian, địa điểm, nơi chốn, dự định tương lai, sở thích …

Kỹ năng: Học phần luyện các kỹ năng nghe, nói, đọc, viết về các chủ điểm bài học.

9. Mục tiêu và chuẩn đầu ra học phần:

9.1. Mục tiêu

- Mục tiêu học phần thỏa mãn mục tiêu của chương trình đào tạo:

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
MT1	**Kiến thức**		
MT1.1	Liệt kê từ vựng diễn tả các chủ điểm: Chào hỏi, hẹn gặp, địa điểm, nơi chốn, nghề nghiệp, công việc thường ngày, sự việc đã hoặc đang diễn ra, dự định tương lai, miêu tả người, nơi chốn, sở thích, thời trang, đời sống xã hội. Xác định cách sử dụng các cấu trúc: Đại từ nhân xưng, tính từ sở hữu, giới từ chỉ thời gian địa điểm các thời động từ: Hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần, các dạng so sánh của tính từ, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại.	1	[1.2.1.1b]
MT1.2	Phân biệt sự khác nhau về cấu trúc và cách sử dụng giữa các thì và từ loại.	2	[1.2.1.1b]
MT2	**Kỹ năng**		
MT2.1	Nói về các chủ điểm thông thường trong đời sống xã hội: Chào hỏi, hẹn gặp, thời tiết, công việc đã làm, dự định tương lai.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT2.2	Nghe hiểu về các chủ điểm giao tiếp	3	[1.2.2.2]

Mục tiêu	Mô tả	Mức độ theo thang đo Bloom	Phân bổ mục tiêu học phần trong CTĐT
	thông thường. Đọc hiểu được các đoạn văn 200-300 từ về các chủ điểm trong chương trình.		[1.2.2.4]
MT2.3	Viết các đoạn văn 100-120 từ về các chủ điểm: hội thoại online, miêu tả chuyến đi, viết thư mời và thư phúc đáp, miêu tả nơi ở, kể lại một ngày làm việc, thói quen, miêu tả người, thư chào, tin nhắn.	3	[1.2.2.2] [1.2.2.4]
MT3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**		
MT3.1	Sử dụng đúng các kiến thức đã học trong các tình huống giao tiếp thực tế trong đời sống xã hội và trong công việc tương lai.	3	[1.2.3.1]
MT3.2	Sinh viên có năng lực: Làm việc độc lập, làm việc theo nhóm, giao tiếp và thuyết trình giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp. Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[1.2.3.1]

9.2. Chuẩn đầu ra

- Sự phù hợp của chuẩn đầu ra học phần với chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo:

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
CĐR1	**Kiến thức**		
CĐR1.1	Trình bày được từ vựng diễn đạt các hoạt động giao tiếp trong cuộc sống hàng ngày: Chào hỏi, hẹn gặp, địa	1	[2.1.3]

CĐR học phần	Mô tả	Thang đo Bloom	Phân bổ CĐR học phần trong CTĐT
	điểm, nơi chốn, nghề nghiệp, công việc thường ngày, sự việc đã hoặc đang diễn ra, dự định tương lai, miêu tả người, nơi chốn, sở thích, thời trang, đời sống xã hội.		
CĐR1.2	Giải thích được các cấu trúc câu tiếng Anh trình độ sơ cấp (Elementary): Thì hiện tại đơn, quá khứ đơn, hiện tại tiếp diễn, tương lai gần, các dạng so sánh của tính từ, các cấu trúc sử dụng với các dạng từ loại	2	[2.1.3]
CĐR2	**Kĩ năng**		
CĐR2.1	Ứng dụng các cấu trúc câu và từ vựng vào giới thiệu bản thân và những người khác, có thể hỏi và trả lời các câu hỏi về bản thân như nơi sinh sống, những người quen biết hay những vật dụng sở hữu, hẹn gặp, thời tiết, công việc đã làm, dự định tương lai.	3	[2.2.8]
CĐR2.2	Giao tiếp một cách đơn giản, nói chậm rãi, rõ ràng.	3	[2.2.8]
CĐR3	**Năng lực tự chủ và trách nhiệm**		
CĐR3.1	Có năng lực làm việc độc lập, làm việc theo nhóm.	3	[2.3.1]
CĐR3.2	Có khả năng giao tiếp, thuyết trình và giải thích vấn đề trong nhóm cũng như trước lớp.	3	[2.3.1]
CĐR3.3	Có thái độ tích cực trong học tập và chịu trách nhiệm với các nhiệm vụ được phân công.	3	[2.3.1]

10. Ma trận liên kết nội dung với chuẩn đầu ra học phần:

Chương	Nội dung học phần	Chuẩn đầu ra của học phần						
		CĐR1		CĐR2		CĐR3		
		CĐR 1.1	CĐR 1.2	CĐR 2.1	CĐR 2.2	CĐR 3.1	CĐR 3.2	CĐR 3.3
1	**Unit 1- Meeting and greeting** 1.1. Language in action: Social expressions. 1.2. Know-how: Sentence stress. 1.3. Focus on Grammar: Possesive adjectives. 1.4. In conversation: Introduction of	X	X	X	X	X		X

	other 1.5. Focus on Grammar: Subject pronoun and be. 1.6. Reading: Online conversation. 1.7. Vocabulary: People in your life. 1.8. Listening: Listen and match 1.9. Speaking: Introduce one'self							
2	**Unit 2- From here to there** 2.1. Reading: How the world moves 2.2. Vocabulary: Transportation 2.3. Focus on grammar: Statement 2.4. Know-how: Pronunciation of –s endings 2.5. Vocabulary: Feelings 2.6. Listening: How does each person get to work 2.7. Focus on grammar: Present simple (Questions) 2.8. Speaking: Transportation questionaire 2.9. Reading: Ride a bike in Helsinki 2.10. Writing: Describing a trip 2.11. Language in action: Travel talk	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
3	**Unit 3: On the go** 3.1. Vocabulary: Free-time activities 3.2. In conversation: Talking about free time activities 3.3. Focus on grammar: Adverbs of frequency 3.4. Vocabulary: Entertainment 3.5. Listening: Advertisement 3.6. Focus on grammar: Adverbial phrases of time and place 3.7. Know-how: Making vocabulary notes 3.8. Language in action: Arrangements 3.9. Writing: Invitation 3.10. Reading: Music is good for you 3.11. Speaking: Discussing different kinds of music	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
4	**Unit 4: Personal spaces** 4.1. Reading: An unusual office 4.2. Focus on grammar: There is/ there are 4.3. Vocabulary: Furniture and prepositions of location (place) 4.4. Reading: Unhappy, try changing the furniture 4.5. In conversation: Arranging the room 4.6. Focus on grammar: This, that, these, those 4.7. Writing: Home exchange international 4.8. Listening: What five things does	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

	Ellen ask about the house 4.9. Speaking: Talk about an ideal house							
5	**Unit 5: Public places** 5.1. Listening 5.2. Focus on grammar: Present continous (Statement) 5.3. In conversation 5.4. Focus on grammar: Present continous (Questions) 5.5. Know-how: Pronunciation of –endings. 5.6. Speaking: Describe happening actions 5.7. Language in action: Directions 5.8. Vocabulary: Numbers 5.9. Reading: The world largest mall	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
6	**Unit 6: Now and then** 6.1. Listening: Time management 6.2. Focus on grammar: Simple past 6.3. Know-how: Pronunciation of –ed endings. 6.4. Vocabulary: Verbs and prepositions 6.5. Writing: Describing a typical morning 6.6. In conversation 6.7. Focus on grammar: The verb tobe 6.8. Reading: It's about time 6.9. Language in action: Apologies 6.10. Speaking: Being on time	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
7	**Unit 7- Food for thought** 7.1. Reading: Shop smart in the supermarket 7.2. Vocabulary: Food 7.4. Listening: Traditional diet 7.5. Focus on grammar: Coun. nouns & un.nouns 7.6. Writing: Describing eating habits 7.7. Reading: No more coach potatoes 7.8. Focus on grammar: Too much, too many, enough 7.9. Speaking: Creating a menu and ordering in a restaurant 7.10. Language in action: Restaurant talk 7.11. Speaking	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
8	**Unit 8: Read all about it** 8.1. In Conversation 8.2. Vocabulary: Describing events 8.3. Focus on grammar: Simple past (questions and answer) 8.4. Reading: Squirrel helps police find	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

	stolen goods 8.5. Know-how: Vocabulary through reading 8.6. Focus on grammar: Could							
9	**Unit 9: Cities and sites** 9.1. Vocabulary: Describing places 9.2. Listening 9.3. Focus on grammar: Comparative adjectives 9.4. Language in action: Opinions 9.5. Speaking : Describing opinions 9.6. Reading: Survey finds the happiest places 9.7. Focus on grammar: Superlative adjectives 9.8. Writing: Preparing a travel brochure	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
10	**Unit 10: On the job** 10.1. Reading: A head for heights 10.2. Focus on grammar: Have to/ has to 10.3. Vocabulary: Jobs and responsibilities 10.4. Reading: Telecomuting 10.5. Focus on grammar: Would rather, would prefer 10.6. Writing: A message to an online forum 10.7. Language in action: Permission 10.9. Listening 10.10. Speaking: Choosing an ideal job	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
11	**Unit 11: Personal style** 11.1. Vocabulary: Clothes 11.2. Listening 11.3. Focus on grammar: Modifiers 11.4. Language in action: Advice and suggestions 11.5. Speaking: Asking for advice, suggestions 11.6. In conversation 11.7. Focus on grammar: Possessive forms 11.8. Vocabulary: Appearance 11.9. Writing: People descriptions 11.10. Reading: The rose	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
12	**Unit 12: Plans and ambitions** 12.1. In conversation 12.2. Focus on grammar: To & Because (purpose and reason) 12.3. Reading: Students for life 12.4. Focus on grammar: Would like, want, plan to, be going to 12.5. Language in action: Probability 12.6. Writing: Describe future plan	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

	12.7. Listening: Burned out at 25 12.8. Speaking: Priorities for future jobs							
13	**Unit 13: Social life** 13.1. Reading: At the supermarket 13.2. Focus on grammar: Words ending in -one, -thing, -where 13.3. Vocabulary: Relationships 13.4. Language in action: Favors 13.5. Listening 13.6. Focus on grammar: Subject/ object questions 13.7. Vocabulary: Personality characteristics 13.8. Writing: Describing a person 13.9. Speaking: A good friend	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
14	**Unit 14: Future trends** 14.1. Speaking: Impact of Technology on Personal life 14.2. In conversation 14.3. Focus on grammar: Verbs with 2 objects 14.4. Language in action: Telephone talk 14.5. Vocabulary: Computers and the Internet 14.6. Listening 14.7. Focus on grammar: Will, might 14.8. Speaking: Making predictions 14.9. Writing: Predict changes in the future 14.11. Reading: Intelligent clothing	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**
15	**Unit 15: Lifetime achievement** 15.1. Reading: No fear of flying 15.2. Focus on grammar: Present perfect (statements) 15.3. Know-how: Irregular verb forms 15.4. Vocabulary: Achievements 15.5. In conversation 15.6. Focus on grammar: Present perfect 15.7. Listening : Song 15.8. Speaking: Talking about experience 15.9. Language in action: Special occasions	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**	**X**

11. Đánh giá học phần

11.1. Kiểm tra và đánh giá trình độ

Chuẩn đầu ra	Mức độ thành thạo được đánh giá bởi
CĐR1	Bài tập thực hành, bài kiểm tra thường xuyên, bài kiểm tra giữa học phần

CĐR2	Bài tập thực hành, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần
CĐR3	Bài tập thực hành hội thoại trong các giờ học, bài kiểm tra giữa học phần và bài thi kết thúc học phần

11.2. Cách tính điểm học phần: Tính theo thang điểm 10 sau đó chuyển thành thang điểm chữ và thang điểm 4

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần, làm bài tập ở nhà của sinh viên	1 điểm	20%	
2	Kiểm tra giữa học phần	1 điểm	30%	
3	Thi kết thúc học phần	Hình thức thi: Trắc nghiệm Thời gian: 120 phút	50%	

11.3. Phương pháp đánh giá

- Điểm thường xuyên, đánh giá nhận thức, thái độ thảo luận, chuyên cần của sinh viên được đánh giá thông qua ý thức học tập, tỉ lệ hiện diện, tinh thần tác phong xây dựng bài, tinh thần thực hiện chủ đề tự học.

- Điểm thực hành hội thoại được đánh giá theo các nội dung: Trình bày nội dung hội thoại theo chủ đề, cách sử dụng từ vựng, cấu trúc, phát âm, ngữ điệu và tư thế, tác phong, ngôn ngữ cơ thể khi thực hành hội thoại.

- Kiểm tra giữa học phần diễn ra vào tuần số 8 dưới hình thức trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình kiểm tra, sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác.

- Thi kết thúc học phần theo kế hoạch tiến độ đào tạo. Sinh viên được giảng viên phụ đạo ít nhất 1 buổi trước khi thi. Đề thi được trưởng bộ môn đề xuất cấu trúc đề và kết hợp với phòng TTKT&ĐBCL chọn ngẫu nhiên trong ngân hàng câu hỏi và sinh viên thi trắc nghiệm trên máy tính. Trong quá trình thi sinh viên không được sử dụng từ điển, điện thoại hay bất kỳ tài liệu khác. Đề thi kết thúc học phần sinh viên làm trực tiếp trên máy tính. Nội dung thi kết thúc học phần gồm các nội dung:

+ Đọc đoạn văn và chọn từ điền vào chỗ trống

+ Đọc đoạn văn và trả lời câu hỏi

+ Chọn từ điền vào chỗ trống

+ Chọn câu viết lại phù hợp với câu cho trước

+ Khoanh tròn đáp án có lỗi sai

Điểm chấm được đánh giá theo đáp án trong ngân hàng câu hỏi thi kết thúc học phần đã được phê duyệt, ban hành.

12. Phương pháp dạy và học

Tại lớp học lý thuyết, giảng viên hướng dẫn sinh viên đọc từ vựng, giải thích cách sử dụng từ, cấu trúc câu, cách chia động từ…, hướng dẫn sinh viên làm bài tập vận dụng, hướng dẫn giao nhiệm vụ về nhà cho sinh viên tự học theo cá nhân hoặc theo nhóm sau đó thuyết trình nội dung chuẩn bị trên lớp. Giảng viên cũng trình bày phân tích cấu trúc và lấy ví dụ minh họa. Sinh viên cần lắng nghe và ghi chép và được khuyến khích tích cực thực hành các kĩ năng dưới sự hướng dẫn của giảng viên. Trong quá trình thực hành hội thoại giảng viên định hướng cho sinh viên học tập theo theo định hướng năng lực thực hiện: hội thoại đóng vai nhân vật kết hợp với thể hiện tác phong của nhân vật tham gia hội thoại.

13. Yêu cầu học phần

- Yêu cầu về nghiên cứu tài liệu: Đọc thêm các tài liệu về từ vựng và và ngữ pháp, hội thoại tiếng Anh trình độ sơ cấp.

- Yêu cầu về làm bài tập: Làm đầy đủ các bài tập lớn và bài tập trong giờ thực hành, tham gia phát biểu xây dựng bài.

- Yêu cầu về thái độ học tập: Chuẩn bị đầy đủ tài liệu và dụng cụ trước khi đến lớp. Thực hiện tốt chủ đề tự học. Ghi chép và tích cực làm bài tập được giao tại lớp.

- Yêu cầu về chuyên cần: Sinh viên tham dự ít nhất 80% thời lượng học phần theo yêu cầu. Sinh viên vắng mặt trên 20% giờ học không được phép thi kết thúc học phần.

- Yêu cầu về kiểm tra giữa kỳ và cuối kỳ: Sinh viên vắng thi sẽ bị điểm 0 ngoại trừ trường hợp vắng thi có lý do chính đáng theo quy chế quản lý các hoạt động đào tạo của trường Đại học Sao Đỏ.

14. Tài liệu phục vụ học tập:

- Tài liệu bắt buộc:

[1] **Sách, giáo trình chính:** ***KnowHow - Student book & Workbook 1***, Angela Blackwell Therese Naber, Oxford.

- Tài liệu tham khảo

[2]. English Grammar in Use**,** Raymond Murphy, Cambrige Press

15. Nội dung chi tiết học phần:

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
1	**Unit 1- Meeting and greeting** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ quốc gia, các tháng trong năm, bảng chữ cái - Hiểu và sử dụng thành thạo động từ to be, tính từ sở hữu và các đại từ nhân xưng. - Hội thoại giới thiệu bản thân. **Nội dung cụ thể:** 1.1. Language in action: Social expressions. 1.2. Know-how: Sentence stress. 1.3. Focus on Grammar: Possesive adjectives. 1.4. In conversation: Introduction of other 1.5. Focus on Grammar: Subject pronoun and be. 1.6. Reading: Online conversation. 1.7. Vocabulary: People in your life. 1.8. Listening: Listen and match 1.9. Speaking: Introduce one'self	4		[1] [2]	- Hoàn thành các bài tập 1,2,3,4 trang 1,2 TL [1] - Đọc bài 62 TL [2] - Đọc phần 5 trang 3 tài liệu [1] - Hoàn thành bài tập 5,6,7, trang 3,4. TL [1]
2	**Unit 2- From here to there** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ	4		[1] [2]	- Tra từ mới bài đọc 2. 1 TL [1] - Đọc và làm bài tập ở bài 2

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	phương tiện giao thông, tính từ miêu tả cảm xúc - Hiểu và cấu tạo động từ ở thì hiện tại đơn. - Hội thoại miêu tả các hoạt động trong một ngày. **Nội dung cụ thể:** 2.1. Reading: How the world moves 2.2. Vocabulary: Transportation 2.3. Focus on grammar: Statement 2.4. Know-how: Pronunciation of –s endings 2.5. Vocabulary: Feelings 2.6. Listening: How does each person get to work 2.7. Focus on grammar: Present simple (Questions) 2.8. Speaking: Transportation questionaire 2.9. Reading: Ride a bike in Helsinki 2.10. Writing: Describing a trip 2.11. Language in action: Travel talk				TL [2] về thì hiện tại đơn - Hoàn thành các bài tập trang 5,6 TL [1] -Hoàn thành bài tập 7.2 TL [1] về thì hiện tại đơn - Hoàn thành các bài tập trang 7, 8 sách bài tập. -Đọc bài và tra từ mới phần 2.9 TL [1]
3	**Unit 3: On the go** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ các hoạt động giải trí - Hiểu và sử dụng đúng trạng từ chỉ mức độ thường xuyên.	4		[1] [2]	- Đọc, tra từ điển đoạn hội thoại phần 3.2 TL [1] - Nghiên cứu cách sử dụng trạng từ chỉ mức độ thường xuyên TL [2] bài 2 - Hoàn thành các bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hội thoại thảo luận về các hình thức giải trí. **Nội dung cụ thể:** 3.1. Vocabulary: Free-time activities 3.2. In conversation: Talking about free time activities 3.3. Focus on grammar: Adverbs of frequency 3.4. Vocabulary: Entertainment 3.5. Listening: Advertisement 3.6. Focus on grammar: Adverbial phrases of time and place 3.7. Know-how: Making vocabulary notes 3.8. Language in action: Arrangements 3.9. Writing: Invitation 3.10. Reading: Music is good for you 3.11. Speaking: Discussing different kinds of music				trang 9-10. - Đọc về giới từ chỉ nơi chốn và thời gian bài 121, 123,124, 125 TL [2] - Tra từ điển trước bài đọc 3.10 TL [1]. - Hoàn thành bài tập trang 11-12 phần bài tập TL [1]
4	**Unit 4: Personal spaces** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ đồ đạc trong gia đình - Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc There is/are và kết hợp với giới từ chỉ vị trí. - Hội thoại, viết đoạn văn giới thiệu về ngôi nhà của	4		[1] [2]	- Đọc và tra từ mới phần 4.1 TL [1] - Đọc cách sử dụng thì hiện tại tiếp diễn bài 3,4 TL [2]. - Hoàn thành các bài tập ở Unit 4 phần bài tập trang 13-14 TL [1] - Liệt kê các từ vựng chỉ đồ đạc trong gia đình

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	mình. **Nội dung cụ thể:** 4.1. Reading: An unusual office 4.2. Focus on grammar: There is/ there are 4.3. Vocabulary: Furniture and prepositions of location (place) 4.4. Reading: Unhappy, try changing the furniture 4.5. In conversation: Arranging the room 4.6. Focus on grammar: This, that, these, those 4.7. Writing: Home exchange international 4.8. Listening: What five things does Ellen ask about the house 4.9. Speaking: Talk about an ideal house				- Hoàn thành bài tập bài Unit 4 trang 15,16
5	**Unit 5: Public places** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ phương hướng - Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc thì hiện tại tiếp diễn. - Hội thoại chỉ đường. **Nội dung cụ thể:** 5.1. Listening 5.2. Focus on grammar: Present continous	4		[1] [2]	- Đọc và tìm hiểu về thì hiện tại tiếp diến TL [2] Bài 1 - Hoàn thành các bài tập trang 17-18 phần Bài tập TL [1]. - Liệt kê các động từ sử dụng ở thì hiện tại tiếp ở trong lớp học và cuộc sống hàng ngày - Hoàn thành bài tập trang

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	(Statement) 5.3. In conversation 5.4. Focus on grammar: Present continous (Questions) 5.5. Know-how: Pronunciation of –endings. 5.6. Speaking: Describe happening actions 5.7. Language in action: Directions 5.8. Vocabulary: Numbers 5.9. Reading: The world largest mall				19-20 phần bài tập, tài liệu bắt buộc
6	**Unit 6: Now and then** **Mục tiêu:** **-** Liệt kê các động từ chỉ các hoạt động - Hiểu và sử dụng đúng cấu trúc thì quá khứ đơn. - Hội thoại, viết đoạn văn miêu tả một sự việc trong quá khứ. **Nội dung cụ thể:** 6.1. Listening: Time management 6.2. Focus on grammar: Simple past 6.3. Know-how: Pronunciation of –ed endings. 6.4. Vocabulary: Verbs and prepositions 6.5. Writing: Describing a	4		[1] [2]	- Đọc và hoàn thiện các bài tập Bài 5 về thì Quá khứ đơn TL [2] - Tra từ điển bài đọc phần 4 TL [1] - Hoàn thành bài tập trang 21-22 phần bài tập – Tài liệu bắt buộc - Tra từ điển và hoàn thành bài đọc mục 9 TL [1] - Hoàn thành bài tập trang 23, 24 phần bài tập – Tài liệu bắt buộc

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	typical morning 6.6. In conversation 6.7. Focus on grammar: The verb tobe 6.8. Reading: It's about time 6.9. Language in action: Apologies 6.10. Speaking: Being on time				
7	**Unit 7- Food for thought** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ đồ ăn - Phân biệt danh từ đếm được và không đếm được. - Hội thoại gọi món ăn trong nhà hàng. **Nội dung cụ thể:** 7.1. Reading: Shop smart in the supermarket 7.2. Vocabulary: Food 7.4. Listening: Traditional diet 7.5. Focus on grammar: Coun. nouns & un.nouns 7.6. Writing: Describing eating habits 7.7. Reading: No more coach potatoes 7.8. Focus on grammar: Too much, too many, enough 7.9. Speaking: Creating a menu and ordering in a	4		[1] [2]	- Đọc và tra từ phần 1 TL [1] - Đọc và làm bài tập Bài 87,88 TL [2] - Hoàn thành bài tập trang 25, 26 phần bài tập, tài liệu bắt buộc - Tra từ điển và hoàn thành các bài tập mục 7 trang 42 tài liệu bắt buộc - Đọc về Too và enough bài 103 TL [2] - Hoàn thành các bài tập trang 27, 28 phần bài tập TL [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	restaurant 7.10. Language in action: Restaurant talk 7.11. Speaking				
8	**Unit 8: Read all about it** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng miêu tả các sự kiện - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu hỏi thì quá khứ đơn. - Hội thoại nói về khả năng. **Nội dung cụ thể:** 8.1. In Conversation 8.2. Vocabulary: Describing events 8.3. Focus on grammar: Simple past (questions and answer) 8.4. Reading: Squirrel helps police find stolen goods 8.5. Know-how: Vocabulary through reading 8.6. Focus on grammar: Could	2		[1] [2]	- Tìm hiểu các tính từ miêu tả - Đọc và tra từ mới phần 4 TL [1] - Đọc và hoàn thành các bài tập bài 5, bài 26 tài [2] - Hoàn thành bài tập trang 29, 30 phần bài tập tài liệu bắt buộc
	Mid-term test	2			Ôn tập từ bài 1 đến bài 8 chuẩn bị cho thi giữa kỳ
9	**Unit 9: Cities and sites** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng miêu tả nơi chốn - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu so sánh. - Hội thoại, viết giới thiệu về một điểm du lịch.	4		[1] [2]	- Hệ thống lại các tình từ miêu tả trong tiếng Anh - Hoàn thành các bài tập trang 33-34 phần bài tập TL [1] - Đọc và hoàn thành các bài tập bài 104 tài liệu tham khảo

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Nội dung cụ thể: 9.1. Vocabulary: Describing places 9.2. Listening 9.3. Focus on grammar: Comparative adjectives 9.4. Language in action: Opinions 9.5. Speaking : Describing opinions 9.6. Reading: Survey finds the happiest places 9.7. Focus on grammar: Superlative adjectives 9.8. Writing: Preparing a travel brochure				- Tra từ điển bài đọc phần 9 TL [1] - Hoàn thành các bài tập trang 35-36 phần bài tập TL [1] - Tìm hiểu quy tắc sử dụng của tính từ so sánh hơn nhất bài 108 TL [2] và làm các bài tập
10	**Unit 10: On the job** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ nghề nghiệp - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu Would rather và Would prefer. - Hội thoại nói về sự cho phép. **Nội dung cụ thể:** 10.1. Reading: A head for heights 10.2. Focus on grammar: Have to/ has to 10.3. Vocabulary: Jobs and responsibilities 10.4. Reading: Telecomuting 10.5. Focus on grammar:	4		[1] [2]	- Đọc, tra từ mới bài đọc phần 1 và phần 4 TL [1] - Hoàn thành các bài tập phần bài tập trang 37, 38 TL [1] - Tìm hiểu cách sử dụng của Would rather, Would prefer, bài 59 TL [2] và làm các bài tập - Hoàn thành bài tập trang 39, 40 phần bài tập, tài liệu bắt buộc.

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	Would rather, would prefer 10.6. Writing: A message to an online forum 10.7. Language in action: Permission 10.9. Listening 10.10. Speaking: Choosing an ideal job				
11	**Unit 11: Personal style** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng miêu tả trang phục - Hiểu và sử dụng đúng các bổ ngữ. - Hội thoại miêu tả về trang phục **Nội dung cụ thể:** 11.1. Vocabulary: Clothes 11.2. Listening 11.3. Focus on grammar: Modifiers 11.4. Language in action: Advice and suggestions 11.5. Speaking: Asking for advice, suggestions 11.6. In conversation 11.7. Focus on grammar: Possessive forms 11.8. Vocabulary: Appearance 11.9. Writing: People descriptions 11.10. Reading: The rose	4		[1] [2]	-Tìm hiểu các cấu trúc diễn tả lời khuyên, TL [2], bài 33, 34 - Hoàn thành các bài tập trang 41,42 phần bài tập TL [1] - Đọc, tra từ mới phần bài đọc phần 11 TL [1] - Tìm hiểu dạng thức sở hữu cách TL [3], bài 62 - Hoàn thành các bài tập trang 43, 44 phần bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
12	**Unit 12: Plans and ambitions** **Mục tiêu:** - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu chỉ mục đích, lí do, mong muốn, kế hoạch, dự định. - Hội thoại nói về dự định trong tương lai. **Nội dung cụ thể:** 12.1. In conversation 12.2. Focus on grammar: To & Because (purpose and reason) 12.3. Reading: Students for life 12.4. Focus on grammar: Would like, want, plan to, be going to 12.5. Language in action: Probability 12.6. Writing: Describe future plan 12.7. Listening: Burned out at 25 12.8. Speaking: Priorities for future jobs	4		[1] [2]	- Liệt kê các từ vựng về chủ điểm: Trường học và nghề nghiệp - Đọc và tra từ phần 1 và phần 12, tài liệu [1] - Nghiên cứu cách sử dụng của would like và want, Be going to TL [2] bài 55, 58 - Làm bài tập 1,2,3,4,5 phần bài tập TL [1] - Sưu tầm các informal letters - Làm bài tập 6,7,8 phần bài tập TL [1]
13	**Unit 13: Social life** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng chỉ mối quan hệ, đặc điểm tính cách con người - Hiểu và thành lập được các loại câu hỏi.	4		[1] [2]	- Đọc, tra từ điển phần 1 TL [1] -Tìm hiểu các từ tận cùng – one, -thing,-where, TL [2] bài 51 - Hoàn thành các bài tập trang 49, 50 phần bài tập

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	- Hội thoại nói về một người bạn tốt. **Nội dung cụ thể:** 13.1. Reading: At the supermarket 13.2. Focus on grammar: Words ending in -one, -thing, -where 13.3. Vocabulary: Relationships 13.4. Language in action: Favors 13.5. Listening 13.6. Focus on grammar: Subject/ object questions 13.7. Vocabulary: Personality characteristics 13.8. Writing: Describing a person 13.9. Speaking: A good friend				TL [1] - Tìm hiểu dạng câu hỏi Chủ ngữ và Tân ngữ trên Internet - Hoàn thành các bài tập trang 51, 52 phần bài tập TL [1]
14	**Unit 14: Future trends** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng lien quan đến máy tính và mạng internet - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu hỏi với Will và might. - Hội thoại nói về sự ảnh hưởng của công nghệ đối với đời sống con người **Nội dung cụ thể:** 14.1. Speaking: Impact of Technology on Personal life	4		[1] [2]	- Nghiên cứu cách sử dụng will, might, bài 21, 29 TL [2] - Tra từ mới phần 11 TL [1] - Hoàn thành các bài trập trang 55, 56 phần bài tập TL [1] - Nghiên cứu cách sử dụng will, might, bài 21, 29 TL [2] - Tra từ mới phần 11 TL [1]

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	14.2. In conversation 14.3. Focus on grammar: Verbs with 2 objects 14.4. Language in action: Telephone talk 14.5. Vocabulary: Computers and the Internet 14.6. Listening 14.7. Focus on grammar: Will, might 14.8. Speaking: Making predictions 14.9. Writing: Predict changes in the future 14.11. Reading: Intelligent clothing				- Hoàn thành các bài trập trang 55, 56 phần bài tập TL [1]
15	**Unit 15: Lifetime achievement** **Mục tiêu:** **-** Trình bày các từ vựng miêu tả các thành quả - Hiểu và sử dụng cấu trúc câu hỏi thì hiện tại hoàn thành. - Hội thoại nói về các trải nghiệm của cá nhân **Nội dung cụ thể:** 15.1. Reading: No fear of flying 15.2. Focus on grammar: Present perfect (statements) 15.3. Know-how: Irregular verb forms	4		[1] [2]	- Đọc, tra từ điển phần bài đọc 15.1 - Nghiên cứu cách sử dụng thì Hiện tại hoàn thành, TL [2] bài 7,8 và làm bài tập - Hoàn thành các bài tập trang 57, 58,59,60 phần bài tập, tài liệu bắt buộc

TT	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	Thực hành	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của sinh viên
	15.4. Vocabulary: Achievements 15.5. In conversation 15.6. Focus on grammar: Present perfect 15.7. Listening : Song 15.8. Speaking: Talking about experience 15.9. Language in action: Special occasions				
16	**Ôn thi kết thúc học phần**			[1] [2]	- Hệ thống lại các kiến thức từ vựng, ngữ pháp từ unit 1 đến unit 15. - Hoàn thành bài tập trong đề cương ôn tập

Hải Dương, ngày 19 tháng 08 năm 2016

KT.HIỆU TRƯỞNG PHÓ HIỆU TRƯỞNG	TRƯỞNG KHOA	TRƯỞNG BỘ MÔN
TS.Phí Đăng Tuệ	Hoàng Đức Đoàn	Trịnh Thị Chuyên